

Bị cáo đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai và có đơn xin được xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Văn M – Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trương Đình P và bà Phạm Thị Ngọc M; địa chỉ: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Thị C; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2014, Tạ Việt H đã thuê đối tượng tên H1 (không rõ lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2016, H nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông Trương Đình P, bà Phạm Thị Ngọc M và nói để đáo hạn Ngân hàng. Ông P, bà M yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì H đưa 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên cho ông P, bà M và nói đó là đất của H mới mua đang làm thủ tục sang tên nên ông P, bà M đồng ý cho H vay tiền. Với thủ đoạn như trên, Tạ Việt H đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

1. Về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức

Vào năm 2014, Tạ Việt H nhận hồ sơ đáo hạn Ngân hàng cho vợ chồng ông H Dữ T, bà Hồ Thị C và vợ chồng ông Lê Hữu D, bà Trần Thị Lệ X, cùng trú tại xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình làm hồ sơ đáo hạn H đã sử dụng máy điện thoại di động chụp ảnh 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN028563 mang tên ông Lê Hữu D, bà Trần Lệ X và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U837310 mang tên ông H Dữ T cùng ở xã T, huyện N. Sau đó thông qua mạng xã hội H biết được người tên H1 (không rõ lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh, làm được các giấy tờ giả nên H đã liên hệ và thuê H1 làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN028563 mang tên ông Lê Hữu D, bà Trần Lệ X, cư trú xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 04/01/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U837310 mang tên ông H Dữ T, cư trú xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 10/12/2001.

2. Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Lần thứ 1: Ngày 04/5/2016 (ngày 28/3/2016 Âm lịch), Tạ Việt H đến nhà ông Trương Đình P, bà Phạm Thị Ngọc M hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng, thời gian vay 03 ngày, mục đích để đáo hạn cho khách hàng; ông P, bà M nói phải có tài sản thế chấp thì mới cho vay, H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 028563 làm giả trước đó mang tên ông Lê Hữu D, bà Trần Thị Lệ X ở xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk thế chấp cho ông P, bà M để vay tiền. Ông P, bà M hỏi về nguồn gốc thửa đất thì H nói đất trên H mua lại, đang chờ làm thủ tục sang tên đổi chủ. Ông P, bà M tin tưởng nên đồng ý cho H vay số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H viết Giấy vay tiền đưa cho ông P, bà M giữ. Sau đó quá thời hạn nhưng bị cáo H vẫn không trả tiền cho ông P, bà M.

Lần thứ 2: Ngày 10/5/2016 (ngày 04/4/2016 Âm lịch), Tạ Việt H tiếp tục đến nhà ông P, bà M nói đất đang đáo hạn cho khách số tiền hơn 700.000.000 đồng nhưng còn thiếu 250.000.000 đồng, cần vay số tiền còn thiếu để đáo hạn cho khách, đáo hạn xong H trả lại ngay. Ông P, bà M nói không có tiền thì H nói đi vay người khác rồi cho H vay lại; H tiếp tục thế chấp cho ông P, bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U837310 làm giả trước đó mang tên ông H Dữ T ở xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk, ông P, bà M hỏi về nguồn gốc thửa đất thì H cũng nói đất trên H mua lại nhưng chưa kịp sang tên đổi chủ. Tin tưởng nên ông P, bà M đồng ý cho H vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tuần. Đến hạn trả nợ, H chỉ trả tiền lãi và nói số tiền gốc để H mượn thêm một thời gian nữa, đáo hạn hồ sơ cho khách xong sẽ trả sau; tuy nhiên, sau đó H không trả lại số tiền 250.000.000 đồng cho vợ chồng ông P, bà M.

Lần thứ 3: Khoảng từ tháng 5/2016 đến tháng 7/2016 (4/2016 đến tháng 6/2016 Âm lịch), Tạ Việt H nói với ông P, bà M là công việc làm ăn của H rất thuận lợi, khách hàng đáo hạn uy tín nên tiếp tục hỏi vay số tiền lớn để đáo hạn cho khách. Ông P, bà M yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì H nói tài sản là 02 thửa đất thể hiện tại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp vay ở các lần trước đây, 02 thửa đất này có giá trị lớn để ông P, bà M yên tâm và hứa sẽ trả cả gốc và lãi đầy đủ. Tin tưởng nên ông P, bà M đã cho H vay nhiều lần với số tiền 2.440.000.000 đồng (trong số tiền này có: 100.000.000 đồng là của gia đình ông P; 2.344.000.000 đồng là tiền ông P, bà M đi vay của người khác và vay Ngân hàng). Trong thời gian trên mỗi lần vay tiền, H đều viết Giấy vay tiền đưa cho ông P, bà M giữ, sau đó H và ông P, bà M tính toán thống nhất ghi thành 02 Giấy vay tiền thể hiện H vay số tiền 2.440.000.000 đồng, các giấy vay tiền trước đó được xé bỏ.

Sau khi vay số tiền trên, Tạ Việt H sử dụng 500.000.000 đồng để kinh doanh mở quán nhậu T ở huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được một thời gian không hiệu quả nên sang quán lại cho người khác lấy tiền sử dụng tiêu xài cá nhân; Sử dụng 1.000.000.000 đồng vào việc kinh doanh Năm ở HTX TM & DV T ở huyện K, sau một thời gian kinh doanh không đạt hiệu quả, đến năm 2017 nghỉ kinh doanh; Sử dụng 215.000.000 đồng đáo hạn cho chị Trần Thị Lệ X và anh Lê Hữu D ở xã T, huyện N, sau khi đáo hạn H dùng số tiền trên mua 15m đất thổ cư của bà X và anh D ở xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Hiện, vẫn chưa làm thủ tục tách thửa sang tên cho Tạ Việt H); Sử dụng số tiền 400.000.000 đồng trả nợ cũ cho chị Trần Thị Do L, ở huyện N; Sử dụng tiêu xài cá nhân số tiền 725.000.000 đồng còn lại.

Như vậy, tổng số tiền Tạ Việt H đã chiếm đoạt của vợ chồng ông P, bà M là 2.840.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 260; khoản 1 Điều 298; khoản 1 Điều 299; Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 1 Điều 2, Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Tạ Việt H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo 18 (mười tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Tạ Việt H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù.

- Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù theo bản án số 280/2017/HSPT ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và 02 năm 03 tháng tù theo bản án số 05/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án huyện K. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 25 (hai mươi lăm năm) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16-01-2020 bị cáo Tạ Việt H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17-01-2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo H theo khoản 1 về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Tạ Việt H có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về kháng nghị: rút toàn bộ kháng nghị số 08/QĐ-VKS-P3 ngày 17-01-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đồng thời đề nghị sửa án sơ thẩm về việc áp dụng từ khoản 3 Điều 267 của Bộ luật hình sự 1999 sang khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự 2015 để xử bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” vì có lợi hơn cho bị cáo, đồng thời bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến thống nhất như đề nghị của Kiểm sát viên, do bị cáo được xét xử sang khung hình phạt của Bộ luật hình sự 2015 có mức khởi điểm khung nhẹ hơn, đồng thời sau xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại 20.000.000 đồng nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: vào năm 2014, bị cáo Tạ Việt H đã thuê một đôi tượng tên H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm số BN028563 mang tên ông Lê Hữu D, bà Trần Lệ X và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U837310 mang tên ông H Dữ T rồi đem về cất giữ; sau đó, từ tháng 4 đến tháng 7/2016, H dùng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thế chấp cho vợ chồng ông Trương Đình P và bà Phạm Thị Ngọc M vay tiền nhiều lần, rồi chiếm đoạt tổng số tiền 2.840.000.000 đồng của vợ chồng ông P, bà M.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện vào năm 2014, nhưng thời điểm truy tố, xét xử bị cáo thì Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi

hành. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 1 Điều 2, Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Tạ Việt H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đồng thời với hành vi chủ mưu làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bị cáo bị tuyên bố phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng nghị đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” mà Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng áp dụng theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã rút toàn bộ kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, Bị cáo đã thuê người làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người khác. Sau đó, bị cáo sử dụng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên mang đi thế chấp để chiếm đoạt với tổng số tiền là 2.840.000.000 đồng của ông P, bà M.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; và tự nguyện trả cho ông P và bà M số tiền 97.000.000 đồng để ông P, bà M đi trả tiền lãi cho Ngân hàng mà ông P, bà M vay trước đó để đưa cho bị cáo.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét về hoàn cảnh khó khăn, đánh giá về tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội để xử phạt bị cáo tổng cộng 22 năm tù cho cả 02 tội trong vụ án này là phù hợp. Sau xét xử sơ thẩm bị cáo đã có bồi thường thêm cho bị hại số tiền khoản 20.000.000 đồng nhưng số tiền bồi thường nay không đáng kể so với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt thể hiện bị cáo không có thiện chí bồi thường, khắc phục hậu quả kịp thời cho bị hại, do đó không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Trong vụ án này bị cáo đã dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho người bị hại, để người bị hại tin tưởng, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền rất lớn, thuộc trường hợp “*gây hậu quả rất nghiêm trọng*”. Tuy nhiên tại khoản 3 Điều 341 của BLHS 2015 quy định khung hình phạt có lợi hơn khoản 3 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 mà bản án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo; theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trong

trường hợp này phải áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS 2015 để xét xử bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội trong trường hợp này là thiếu sót, cần phải rút kinh nghiệm. Tuy nhiên do mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp nên cấp phúc thẩm chỉ cần điều chỉnh phần áp dụng điều luật và giữ nguyên mức hình phạt, không nhất thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng.

[6] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ Điều 342, Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tạ Việt H, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

2- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Tạ Việt H 18 (mười tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Tạ Việt H 04 (bốn) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 22 (hai mươi hai) năm tù.

- Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù theo bản án số 280/2017/HSPT ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và 02 năm 03 tháng tù theo bản án số 05/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án huyện K. Buộc bị cáo Tạ Việt H phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 25 (hai mươi lăm năm) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3- Về án phí phúc thẩm bị cáo H phải chịu 200.000 đồng.

4- Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk; ;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an t. Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long